

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 22/11/2021

STT	NOMBA Y	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		BK21+RC6+RP1 <i>3</i>	7:25	0+3+10	0+0+0		0+8+14	0+0+0	Chuyến 3 BK21-RC6
2		RP3+P11+BK10 <i>2</i>	7:25	22+0+0	0+0+0		19+0+3	0+0+0	Chuyến 2 RP3-P11
3		BK9+P3+TD1	9:25	5+2+1	0+0+0		0+0+2	0+0+0	Hủy RP1, thay bằng TD1 để đón bệnh nhân TD1 nghi F0
4		P10+RC4+RP3	9:25	1+8+10	0+0+0		0+0+22	0+0+0	
5		RC5+RCDM+RC4 <i>5</i>	11:25	9+6+4	0+0+0		5+6+5	0+0+0	Chuyến 5 RCDM-RC4

TTĐBSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.
1/ 1 người từ RP3 về bờ đợt 2, đi RCDM đợt cuối



FLIGHT MANIFEST



DATE: 22/11/2021	TO: BK21 - RC6 - RP1	AIRCRAFT: 846	ETD: 07:30
FLIGHT: 01	FROM: VT	CREW: Phong - VLin - DTùng	ETA: 09:10
XANH-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	HOANG VAN TRUONG	RC6	35	1	5	43	70	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYEN ANH TUAN	RC6	34	1	10	25	77	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYEN VIET HA	RC6	31-33	3	15		75	PSV	Vietnamese
4	TSOPANOV ALAN	RP1	98	1	12		100	KH-THAC	Russian
5	NGUYEN MINH BANG	RP1	53-54	2	6		87	PSV	Vietnamese
6	ĐANG VAN THUAN	RP1	52	1	10		88	PSV	Vietnamese
7	VU XUAN TIEN	RP1	56	1	7		70	PSV	Vietnamese
8	KOROQLUEV RAMIL	RP1	55	1	6		77	KH-THAC	Russian
9	DOAN THAI BINH	RP1	62-63	2	18		80	NIPI	Vietnamese
10	NGUYEN QUANG PHUONG	RP1	59	1	7	30	65	PSV	Vietnamese
11	NGUYEN HONG DUONG	RP1	57	1	7		58	PSV	Vietnamese
12	NGUYEN DUY QUYEN	RP1	58	1	8		68	PSV	Vietnamese
13	PHAM XUAN TRUONG	RP1	64	1	10		76	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK21	0	0	0	0	0	0+3		CHUYEN 03 PAX TU BK21 SANG RC6
2	RC6	3	5	30	222	68	5		
3	RP1	10	12	91	769	30	17		
TOTAL		13	17	121	991	98	22		
WEIGHT KG				121	991	98			

GRAND TOAL: 1.185 KGS + 25kg

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 22/11/2021	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 07:35
FLIGHT: 02	TO: RP3 - P11 - BK10	CREW: Hạnh - MTHAO - Toan	ETA: 09:15
CAM-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRẦN VĂN SƠN	RP3	84	1	9		65	KH-THAC	Vietnamese
2	TRẦN ĐỨC THUẬN	RP3	83	1	6		85	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN THANH TRUNG	RP3	80	1	10	75	74	KH-THAC	Vietnamese
4	HOANG VĂN HIỀN	RP3	76-77	2	10		54	KH-THAC	Vietnamese
5	HOANG VĂN HOÀ	RP3	98	1	8		72	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN PHƯỚC LỘC	RP3	90	1	5		67	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN VĂN TIẾN	RP3	75	1	10		66	KH-THAC	Vietnamese
8	PHẠM QUANG TRUNG	RP3					72	KH-THAC	Vietnamese
9	LÊ DỤC HUY	RP3	81-82	2	7		66	KH-THAC	Vietnamese
10	PHẠM VĂN ANH	RP3	88	1	7		74	KH-THAC	Vietnamese
11	LUƠNG QUANG THƯỜNG	RP3	99	1	7		68	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN TRỌNG HAI	RP3	96	1	8		80	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN TỬ HAI	RP3	86	1	7		63	KH-THAC	Vietnamese
14	TRƯƠNG VĂN THƯỜNG	RP3	89	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN DOÀN THANH	RP3	87	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
16	VŨ THANH LONG	RP3	94-95	2	10		84	KH-THAC	Vietnamese
17	HOANG XUÂN HÙNG	RP3	91	1	8		67	KH-THAC	Vietnamese
18	VŨ THĂNG	RP3	85	1	10		78	KH-THAC	Vietnamese
19	PHẠM XUÂN HOANG	RP3	78-79	2	20		80	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYỄN VĂN CÔNG	RP3	92-93	2	8		55	KH-THAC	Vietnamese
21	VŨ QUANG HÙNG	RP3	97	1	9		66	KH-THAC	Vietnamese
22	LÊ ĐỨC OANH	RP3	300	1	5		67	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP3	22	26	174	1.533	75	19+2		CHUYỂN 02 PAX TỪ RP3 SANG P11
2	P11	0	0	0	0	0	0		
3	BK10	0	0	0	0	0	3		
TOTAL		22	26	174	1.533	75	22		
WEIGHT KG				174	1.533	75			

GRAND TOAL: 1.782 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 22/11/2021	TO: BK9 - P3 - TD1	AIRCRAFT: 610	ETD: 09:40
FLIGHT: 03	FROM: VT	CREW: NKGHANH - TITAI	ETA: 11:20
CAM-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN CONG AN	BK9	54-55	2	13		68	XAYLAP	Vietnamese
2	NGUYEN THE ANH	BK9	59-60	2	20		82	XAYLAP	Vietnamese
3	NGUYEN MANH DUNG	BK9	61-62	2	15	30	72	XAYLAP	Vietnamese
4	VU QUOC VUONG	BK9	56-58	3	15	37	77	XAYLAP	Vietnamese
5	HA XUAN THANH	BK9	63-64	2	20		75	XAYLAP	Vietnamese
6	NGUYEN CONG PHU	P3	55-56	2	12	83	80	CO DIEN	Vietnamese
7	DO VAN THANH	P3	57	1	7		86	CO DIEN	Vietnamese
8	TRAN HUU PHUOC	TD1	71-72	2	20		63	BSY	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK9	5	11	83	374	67	0		
2	P3	2	3	19	166	83	0		
3	TD1	1	2	20	63	0	2		
TOTAL		8	16	122	603	150	2		
WEIGHT KG				122	603	150			

GRAND TOAL: 875 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 22/11/2021	TO: P10 - RC4 - RP3	AIRCRAFT: 420	ETD: 09:45
FLIGHT: 04	FROM: VT	CREW: Hạnh - MTHAO - Toan	ETA: 11:25
VANG-2			

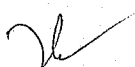
No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN CHI CUONG	P10	52	1	6		63	KH-THAC	Vietnamese
2	CHU TIEN BINH	RC4	93	1	5		73	KH-THAC	Vietnamese
3	HOANG VAN TUNG	RC4	94	1	10		72	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYEN TUAN ANH	RC4	97	1	13		67	DVL	Vietnamese
5	DOAN MINH HUONG	RC4	95-96	2	13		60	DVL	Vietnamese
6	NGUYEN QUANG HOAN	RC4	92	1	12	90	80	DVL	Vietnamese
7	NGUYEN THANH TUAN	RC4	86	1	8		74	XAYLAP	Vietnamese
8	HOANG TRONG PHUC	RC4	87-88	2	15		73	XLAP	Vietnamese
9	NGUYEN MANH HIEN	RC4	89-90	2	18	5	83	XLAP	Vietnamese
10	LU SON	RP3	60-61	2	13		73	KH-THAC	Vietnamese
11	TRAN MANH CUONG	RP3	63	1	10		70	CODIEN	Vietnamese
12	NGUYEN THANH HA	RP3	65	1	3		65	PSV	Vietnamese
13	NGUYEN VAN VY	RP3	67-68	2	10		70	PSV	Vietnamese
14	NGUYEN VAN TRUNG	RP3	66	1	5		68	PSV	Vietnamese
15	DUONG VAN THU	RP3	69-70	2	10		73	PSV	Vietnamese
16	TRAN VAN LINH	RP3	64	1	7		55	PSV	Vietnamese
17	VALEEV IREK	RP3	62	1	5		83	KH-THAC	Russian
18	LE THAI HIEN	RP3	58-59	2	10		65	KHI	Vietnamese
19	PHAM BUI HOANG LONG	RP3	56-57	2	12		75	KHI	Vietnamese

FLIGHT PLAN

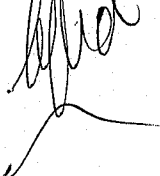
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P10	1	1	6	63	0	0		
2	RC4	8	11	94	582	95	0		
3	RP3	10	15	85	697	0	22		
TOTAL		19	27	185	1.342	95	22		
WEIGHT KG				185	1.342	95			

GRAND TOAL: 1.622 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 22/11/2021	TO: RC5 - RCDM - RC4	AIRCRAFT: 846	ETD: 11:50
FLIGHT: 05	FROM: VT	CREW: Dương - VThắng - DTùng	ETA: 13:30
XANH-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	GUSEINOV	RC5	30	1	6		87	KH-THAC	Russian
2	BUI QUỐC VIỆT	RC5	26	1	4		78	KH-THAC	Vietnamese
3	LÊ VĂN TRUNG	RC5	23	1	6		82	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN KIEM BAC	RC5	24-25	2	17		73	KH-THAC	Vietnamese
5	LÊ ĐÌNH THẮNG	RC5	29	1	15	40	67	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN DANH TRUNG	RC5	77-78	2	12		70	CODIEN	Vietnamese
7	NGUYỄN HỒNG QUÂN	RC5	21-22	2	18		73	CODIEN	Vietnamese
8	PHẠM VĂN HUÂN	RC5	28	1	8		70	PSV	Vietnamese
9	HOÀNG ĐỨC LỘC	RC5	27	1	6		63	PSV	Vietnamese
10	NGUYỄN DUY HÙNG	RCDM	52-53	2	12		75	KH-THAC	Vietnamese
11	ĐÌNH VĂN CÔNG	RCDM	50	1	6	40	86	KH-THAC	Vietnamese
12	NGÔ ĐẮC TOÀN	RCDM	48	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
13	HỒ TRỌNG BANG**	RCDM	51	1	7		80	PSV	Vietnamese
14	LÊ ANH CUÔNG	RC4	40	1	14		75	XAYLAP	Vietnamese
15	PHAN NGỌC TUẤN ANH	RC4	49	1	12	35	70	XAYLAP	Vietnamese
16	NGUYỄN QUỐC VIỆT	RC4	42	1	10		57	PSV	Vietnamese
17	NGUYỄN THANH LONG	RC4	41	1	11		80	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RC5	9	12	92	663	40	5		Chuyen 5 pax RCDM-RC4
2	RCDM	4	5	30	301	40	6+	5	
3	RC4	4	4	47	282	35	5		
TOTAL		17	21	169	1.246	115	16		
WEIGHT KG				169	1.246	115			

GRAND TOAL: 1.530 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

Am

[Signature]